

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 29-3-2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-4-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1999

- Bị đơn: Anh Lương Xuân N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Bể Chỏi, xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Lương Xuân N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12-02-2020 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sử dụng chất ma túy, không chịu làm ăn và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 03-2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Lương Thành L, sinh ngày 24-12-2019 và Lương Thị Như Q, sinh ngày 07-10-2021. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Xuân N trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12-02-2020 tại UBND xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh mãi chơi không chịu làm ăn và có sử dụng chất ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng đến nay chưa có kết quả. Anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có hai con chung là Lương Thành L, sinh ngày 24-12-2019 và Lương Thị Như Q, sinh ngày 07-10-2021 hiện cả hai con đều đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp được nuôi dưỡng cháu Lương Thành L và đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Như Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Lương Xuân N có nơi cư trú tại thôn Bể Chỏi, xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Lương Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 12-02-2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh N sử dụng chất ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị L và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung là Lương Thành L, sinh ngày 24-12-2019 và Lương Thị Như Q, sinh ngày 07-10-2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh N không thống nhất thỏa thuận được việc nuôi dưỡng con chung. Chị L có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, anh N

đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thành L và để chị L nuôi dưỡng cháu Lương Thị Như Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị L và anh N là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, hai cháu Lương Thành L và Lương Thị Như Q còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, hai cháu hiện đang được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, anh N đang trong thời gian cai sử dụng chất ma túy nên không đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và sự ổn định cuộc sống của các con nên giao hai cháu Lương Thành L và Lương Thị Như Q cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Lương Xuân N.

2. Về con chung: Giao hai con là Lương Thành L, sinh ngày 24-12-2019 và Lương Thị Như Q, sinh ngày 07-10-2021 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Lương Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002230 ngày 29-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Lâm Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Đồng Tâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:
- TA tỉnh ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Yên Thịnh;
- Lưu HS.

TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

